



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX thông qua ngày 29/11/2005; Nghị định 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100 % vốn nhà nước thành Công ty cổ phần và các Thông tư hướng dẫn thi hành.

Căn cứ Quyết định số 440/QĐ-VNS ngày 15/12/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam về xác định giá trị Công ty Gang thép Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam để cổ phần hoá.

Căn cứ Quyết định số 58/QĐ-VNS ngày 17/3/2009 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thép Việt Nam phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Gang thép Thái Nguyên thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam thành Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên;

Điều lệ Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định của Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc trong quá trình hoạt động của Công ty.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1- “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam;

2- “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh;

3- “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 01 Luật sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua tại quyết định số 02/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

4- “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

5- “Vốn điều lệ” là tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty;

6- “Cổ phần” là vốn điều lệ của Công ty được chia thành những phần bằng nhau và mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng;

7- “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty;

8. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

9- “Cổ phiếu”: là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. “*Cổ phiếu của Công ty*” là cổ phiếu phổ thông theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

10- “Sổ đăng ký cổ đông” là tài liệu bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

11- “*Cán bộ quản lý Công ty*” bao gồm các ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng các phòng ban Công ty, Giám đốc các đơn vị thành viên;



12- “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

13- “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

14- Trong Điều lệ này các tham chiếu tới một điều khoản văn bản pháp luật nào nghĩa là bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

15- Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này; Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, loại hình của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng việt: **Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên**

- Tên tiếng Anh: **THAI NGUYEN IRON AND STEEL JOINT STOCK CORPORATION**

- Tên viết tắt: **TISCO**

2- Loại hình của Công ty:

Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên được hình thành trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Gang thép Thái Nguyên với hình thức bán bớt một phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản riêng, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

1. Trụ sở chính của Công ty là:

Địa chỉ: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Điện thoại: 0280.3832236

Fax: 0280.3832056

Website: www.TISCO.com.vn

2- Trụ sở các Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện của Công ty (có danh sách kèm theo tại phụ lục số 01).

3- Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo qui định Điều lệ này.

Điều 5. Thời gian hoạt động của Công ty

Thời hạn hoạt động của Công ty là không xác định, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo qui định tại Điều 75 của Điều lệ này.

Điều 6. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1- Mục tiêu hoạt động.

a) Công ty hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực phù hợp với Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định của pháp luật để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty;

b) Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật.



2- Ngành nghề kinh doanh :

- Khai thác, tuyển chọn, thu mua: Quặng sắt, than, quặng Quắc zít, nguyên liệu phi quặng (đất đá thải, đất chịu lửa).
- Sản xuất, mua bán: Gang, thép và các sản phẩm của chúng; Than cốc và các sản phẩm luyện cốc; Các sản phẩm hợp kim Ferô; Vật liệu chịu lửa; Vật liệu xây dựng; Đất đèn; Hồ điện cực; Axeetylen; Ôxy và các loại khí công nghiệp.
- Xuất khẩu các sản phẩm: Gang, thép và các sản phẩm của chúng; than cốc và các sản phẩm luyện cốc; các sản phẩm hợp kim Ferô; Vật liệu chịu lửa; Vật liệu xây dựng; Đất đèn; Hồ điện cực; Axetylen; Ôxy và các loại khí công nghiệp;
- Nhập khẩu thiết bị máy móc, vật tư nguyên liệu phục vụ cho các ngành: Luyện kim, khai thác mỏ, xây dựng, truyền tải điện, Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Vận hành và truyền tải điện, nước công nghiệp; Thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện.
- Xử lý chất thải độc hại trong nội bộ Công ty.
- Khảo sát thiết kế, chế tạo thiết bị, phụ tùng và thi công các công trình công nghiệp luyện kim, mỏ và phục vụ luyện kim;
- Xây lắp, thi công các công trình dân dụng, đường dây và trạm điện, các công trình giao thông đường sắt, đường bộ có liên quan đến công trình công nghiệp luyện kim và khai thác mỏ luyện kim;
- Tư vấn xây dựng các công trình mỏ, luyện kim và các công trình liên quan;
- Sửa chữa ô tô, xe máy; Sửa chữa đầu máy toa xe và cầu đường sắt; Vận tải hàng hoá đường bộ; Vận tải hàng hoá đường sắt; Mua bán xăng dầu nhớt, mỡ, ga, hàng kim khí, phụ tùng, hoá chất (trừ những hoá chất Nhà nước cấm), vật liệu điện, dụng cụ cơ khí, sắt thép phế liệu; đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Dịch vụ cho thuê kho bãi; Chế biến lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống;
- In ấn, trang trí kẻ vẽ quảng cáo;
- Hoạt động văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Công ty có thể bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với qui định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc sau:

- 1- Tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tôn trọng và tuân thủ pháp luật;
- 2- Kinh doanh trung thực, có kỹ năng, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm;
- 3- Đảm bảo nguồn tài chính trong cam kết kinh doanh với khách hàng;
- 4- Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại hội đồng cổ đông;
- 5- Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty;
- 6- Đảm bảo có quy chế tổ chức nội bộ chặt chẽ, tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với nhân viên của Công ty, giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông, giữa các cổ đông với nhau. Tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp và tuân thủ theo các quy định của pháp luật;
- 7- Điều hành hoạt động Công ty là Tổng Giám đốc Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý điều hành của Công ty.

Điều 8. Quyền của Công ty



1. Tự chủ kinh doanh; Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; Chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; Được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
2. Có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
5. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh.
6. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
7. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
9. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
11. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
12. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; Định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
7. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty

- 1- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.
- 2- Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Việt Nam và các quy định của các tổ chức đó nhưng không trái với các quy định của pháp luật.
- 3- Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động tham gia các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.



Chương II **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG**

Điều 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty

1- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là: 1.840 tỷ đồng (Một ngàn tám trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn), được chia thành 184 triệu cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó :

a) Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: 1.196 tỷ đồng, tương đương với 119,6 triệu cổ phần, chiếm tỷ lệ 65 % vốn điều lệ;

b) Vốn thuộc sở hữu người lao động trong Công ty: 112.780.000.000 đồng, tương đương với 11.278.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6,13 % vốn điều lệ;

c) Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông chiến lược : 265.610.000.000 đồng, tương đương với 26.561.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,14 % vốn điều lệ;

d) Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác: 265.610.000.000 đồng, tương đương với 26.561.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,14 % vốn điều lệ;

2- Tăng giảm vốn điều lệ.

Công ty thực hiện tăng hoặc giảm vốn điều lệ cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật.

3- Mục đích sử dụng vốn điều lệ:

a) Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị để duy trì và mở rộng quy mô hoạt động;

b) Kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh của Công ty;

c) Đầu tư tài chính, góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế;

d) Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định sửa đổi Điều lệ Công ty, thu hẹp quy mô sản xuất).

Điều 12. Loại cổ phần

1- Tại thời điểm đăng ký kinh doanh, Công ty có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông.

2- Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thể phát hành thêm cổ phần phổ thông, các loại cổ phần ưu đãi...theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Thừa kế cổ phần

1- Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần và việc thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2- Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của cổ đông đã chết:

a) Người thừa kế theo di chúc hoặc người thừa kế theo luật định ;

b) Trường hợp có nhiều người cùng có quyền thừa kế cổ phần của cổ đông đã chết thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có xác nhận của công chứng và tuân thủ những quy định trong Điều lệ này, Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.



3- Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông.

4- Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cũng được thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, nhưng người nhận thừa kế cổ phần không đương nhiên thừa kế quyền là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Điều 14. Cổ phiếu

1- Chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

2- Cổ phiếu của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở Công ty;
- b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- đ) Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên);
- e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g) Chữ ký mẫu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và dấu của Công ty;
- h) Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

3- Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần trong một cổ phiếu thì cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ. Nếu cổ phiếu bị rách, bị mờ ... cổ đông có nghĩa vụ thông báo cho Công ty và chỉ được Công ty thay cổ phiếu khi trình bày đủ chứng cứ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Trường hợp bị mất cắp, đánh mất hoặc bị tiêu hủy, việc cấp lại thực hiện theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

Trong các trường hợp trên, sau khi được cấp cổ phiếu mới, cổ phiếu cũ đương nhiên không còn giá trị. Người sở hữu cổ phần phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu và các khoản phí cần thiết do Hội đồng quản trị công ty quy định

4- Trong trường hợp phát hành cổ phiếu tiếp theo, giá bán cổ phiếu không phụ thuộc vào mệnh giá ghi trên cổ phiếu của Công ty.

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông

1- Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần;
- c) Tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3- Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác, nhưng phải được thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cho tất cả các cổ đông biết.

Điều 16. Chuyển nhượng cổ phần

1- Cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 16 này, việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân thủ theo Quy chế chuyển nhượng cổ phần do Hội đồng quản trị quy định. Cổ phần được coi là chuyển nhượng khi thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 15 được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.



2- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng cụ thể như sau:

a) Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 03 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

b) Cổ phần phổ thông của các thành viên Hội đồng quản trị muốn chuyển nhượng phải được biểu quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông (Trừ phần vốn nhà nước do thành viên này đại diện sở hữu).

c) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3) Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện các quy định tại Điều này.

Điều 17. Mua lại cổ phần

1- Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

a) Cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình khi:

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc ;
- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

b) Thủ tục yêu cầu Công ty mua lại cổ phần ;

- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại;

- Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

c) Nghĩa vụ của Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần :

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại điều này, Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thỏa thuận giữa cổ đông đó và Hội đồng quản trị;

- Trường hợp không thỏa thuận được về giá, các bên có quyền yêu cầu cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật ;

2- Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

a) Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định ;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 này;

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Công ty;
- Tổng số cổ phần mua lại;
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
- Thời hạn và thủ tục thanh toán;



- Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Công ty. Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

d) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quy định về cổ đông

1- Cổ đông là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty; Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

2- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 19. Quyền của cổ đông

Cổ đông của Công ty có các quyền sau:

1- Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

2- Nhận cổ tức theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3- Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; Trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

4- Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

5- Kiểm tra các thông tin liên quan đến các cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông đủ tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6- Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ của Công ty.

7- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;

b) Đề cử các thành viên Ban kiểm soát theo quy định:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;



- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% tổng số cổ phần trở lên có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- c)- Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;
- d)- Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- 8- Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- 1- Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã cam kết mua và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.
- 2- Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 3- Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty.
- 4- Chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5- Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công.
- 6- Không được rút vốn dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp Công ty cổ phần giải thể hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7- Phát hiện những vi phạm pháp luật, chính sách chế độ nhà nước của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về sự phát hiện của mình.
- 8- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty

Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty gồm:

- 1- Đại hội đồng cổ đông .
- 2- Hội đồng quản trị .
- 3- Ban kiểm soát .
- 4- Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc.

Điều 22. Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông

- 1- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- 2- Người triệu tập theo thẩm quyền, quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đại biểu cổ đông với nguyên tắc đảm bảo tối đa quyền biểu quyết trực tiếp hoặc ủy quyền biểu quyết của các cổ đông; Đảm bảo điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định.
- 3- Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các quyền thảo luận và ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau :

- 1- Báo cáo tài chính hàng năm.



- 2- Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- 3- Báo cáo của Ban kiểm soát.
- 4- Định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty.
- 5- Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- 6- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 7- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này.
- 8- Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty. Tổ chức lại, giải thể hoặc thanh lý Công ty và chỉ định người thanh lý.
- 9- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm báo cáo tài chính gần nhất. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán của mỗi loại.
- 10- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- 11- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền triệu tập họp

1- Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập họp ít nhất mỗi năm một lần trong vòng bốn tháng sau khi kết thúc năm tài chính, trường hợp đặc biệt phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không được quá sáu tháng.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đại biểu cổ đông, quyết định thời gian, địa điểm, phương thức biểu quyết, chuẩn các nội dung chương trình cuộc họp.

2- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- b) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm đến 2/5 số thành viên theo quy định của Điều lệ.
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 19 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng đơn kiến nghị theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do (kèm theo các bằng chứng xác thực và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các bằng chứng đó) và mục đích triệu tập.
- d) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông với lý do:

Hội đồng quản trị của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp; Hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

3- Trong trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ nêu tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát sẽ thay Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

4- Trong trường hợp Ban kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 19 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội cổ đông như qui định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.



6- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như qui định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

7- Công ty có nghĩa vụ thanh toán tất cả các chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Điều 25. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải :

1- Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

2- Gửi thông báo hoặc giấy mời họp, ghi rõ: Chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu, thông tin cần thiết kèm theo.

3- Thông báo mời họp, giấy mời họp phải được gửi chậm nhất 07 ngày, trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông được ấn định, tính từ ngày mà thông báo mời họp, giấy mời họp được coi là đã gửi hoặc đã chuyển đi, khi đã được trả cước phí hoặc ngày bưu điện đóng dấu xác nhận thông báo được bỏ vào hòm thư.

4- Nếu Công ty có Website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cũng phải được gửi lên Website của Công ty cùng lúc với việc gửi thông báo mời họp, giấy mời họp đến các cổ đông.

Điều 26. Quyền dự họp và quyền ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cổ đông phổ thông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một cổ đông khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác tiếp theo. Người ủy quyền có quyền thu hồi sự ủy quyền trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông 02 ngày.

2- Văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo mẫu chung thống nhất hoặc mẫu khác đã được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận và:

a) Nếu người ủy quyền là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải do chính người ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của người ủy quyền và người được ủy quyền ký;

b) Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và có đóng dấu của tổ chức ủy quyền.

Điều 27. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.

2- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản, trong đó ghi rõ họ tên cổ đông, số cổ phần mà cổ đông nắm giữ, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và phải được gửi cho Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

3- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được quyền từ chối đưa những vấn đề do cổ đông kiến nghị vào chương trình họp nếu có một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn quy định;

b) Văn bản kiến nghị không đủ, không đúng các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này;

c) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ số cổ phần yêu cầu để được quyền nêu kiến nghị;

d) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.



2- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

3- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định Khoản 2 Điều này thì cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ ba trong vòng 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc, trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, có thể ủy quyền cho một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không ủy quyền thì sau khi có đủ cổ đông và người được ủy quyền đại diện có quyền biểu quyết, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có mặt dự họp có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu chọn một người trong số các cổ đông, làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tọa Đại hội đề cử Thư ký để lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

2- Vào ngày tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành đầy đủ, đảm bảo cho mọi cổ đông có quyền dự họp được đăng ký.

3- Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cổ đông đăng ký và hiệu lực của các vấn đề đã biểu quyết không bị ảnh hưởng bởi sự đăng ký của cổ đông đến muộn.

4- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp thẻ biểu quyết cho mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành thông qua thẻ biểu quyết.

5- Mọi vấn đề về trật tự, thủ tục hoặc các sự việc xảy ra ngẫu nhiên ngoài chương trình của Đại hội sẽ do Chủ tọa Đại hội quyết định.

6- Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp phải chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh thích hợp.

7- Chủ tọa Đại hội có thể hoãn cuộc họp đến thời gian và địa điểm thích hợp (nhưng không quá 3 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc) nếu thấy :

- a) Các thành viên tham dự cuộc họp không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm họp;
- b) Hành vi của những người có mặt làm ngăn cản hoặc có thể ngăn cản diễn biến có trật tự của cuộc họp;
- c) Sự trì hoãn trên là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Điều 30. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Chương trình làm việc;
- c) Chủ tọa và thư ký;



- d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
- đ) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng; các vấn đề đã được thông qua;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
- h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- i) Các quyết định đã được thông qua;
- k) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Phương thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1- Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b) Đối với các quyết định về loại cổ phần và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán trên 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3- Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

4- Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5- Căn cứ vào biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị phải công bố đến tất cả các cổ đông Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nêu rõ những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông chậm nhất 15 ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc ngày hết hạn gửi ý kiến bằng văn bản.

Điều 32. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và tuyên bố hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;

2- Trình tự và thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 33. Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc



1- Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên của Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

2- Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác

Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác :

- 1- Mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích .
- 2- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- 3- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
- 4- Khi bị Tòa án trục xuất ra khỏi lãnh thổ nước Việt Nam.
- 5- Các quy định khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty hoặc cán bộ quản lý khác

1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty hoặc cán bộ quản lý khác bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

- a)- Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
- b)- Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
- c)- Thuộc một trong các đối tượng quy định tại Điều 34 của Điều lệ này;
- d)- Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
- đ)- Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
- g)- Vắng mặt không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát liên tục trong vòng 6 tháng mà không được phép của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trừ trường hợp bất khả kháng.

2- Mọi trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đều phải có trên 50% thành viên đồng ý miễn nhiệm, bãi nhiệm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3- Đối với việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải có trên 50% thành viên Hội đồng quản trị đồng ý miễn nhiệm và bãi nhiệm và do Hội đồng quản trị ra quyết định. Hội đồng quản trị phải tìm ngay người thay thế và tiến hành bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới trong vòng tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 36. Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2- Hội đồng quản trị có 05 thành viên và có nhiệm kỳ 05 năm; Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc, tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3- Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý trong Công ty trừ Ban kiểm soát và có thể được bầu lại vào nhiệm kỳ sau. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo nguyên tắc kế thừa.



4- Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị đều phải được lập thành văn bản và phải được ít nhất 3/5 số thành viên của Hội đồng quản trị thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

5- Các ứng cử viên vào chức thành viên Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn sau:

a)- Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, đã từng tham gia quản lý tại các doanh nghiệp;

b)- Có đủ năng lực, hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

c)- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.;

6- Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông của mỗi nhiệm kỳ lựa chọn. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết nhưng chỉ được ủy quyền từng lần một, giấy ủy quyền phải có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7- Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông mà số thành viên Hội đồng quản trị giảm đến 2/5 thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

8- Thành viên Hội đồng quản trị sẽ nhận được khoản thù lao công vụ, tiền thưởng và được đài thọ các chi phí cần thiết khác. Mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9- Giúp việc cho Hội đồng quản trị có các chuyên viên tư vấn và thư ký, do Hội đồng quản trị chọn trong Công ty hoặc thuê ngoài, tổng số không quá hai người.

Điều 37. Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

1- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của Công ty;

2- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

3- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

4- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

5- Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 20% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm báo cáo tài chính gần nhất;

6- Quyết định các phương án về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản đầu tư dài hạn; Các hợp đồng về cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản theo quy chế tài chính của Công ty;

7- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

8- Ban hành, giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, mức thu chi tài chính... của Công ty;

9- Trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê chuẩn những nội dung cần sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;

10- Xem xét việc huy động vốn, tăng vốn điều lệ, phương thức phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu do Tổng Giám đốc đề nghị để trình Đại hội đồng cổ đông;

11- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc;



12- Xem xét đề xuất của Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng quản trị, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp đối với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và quyết định duyệt quỹ tiền lương hàng năm chi trả cho người lao động trong Công ty.

13- Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia lãi cổ phần, báo cáo kết quả năm tài chính, phương hướng, nhiệm vụ phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

14- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

15- Quyết định thời điểm, giá, phương thức chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

16- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

17- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và những người quản lý cung cấp các thông tin và tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên;

18- Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;

19- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

20- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình;

21- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

2- Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán.

3- Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

a)- Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

b)- Lập kế hoạch làm việc cho Hội đồng quản trị, xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

c)- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ phiên họp Hội đồng quản trị;

d)- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;

đ)- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua;

g)- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;

h)- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về các công việc mà Hội đồng quản trị đã thực hiện;

i)- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua;

k)- Ngoài ra còn có chung quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp;

l)- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



4- Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5- Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt quá thời hạn 30 ngày không rõ lý do hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, hoặc trong trường hợp không có thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người này sẽ thay mặt Chủ tịch thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến khi Chủ tịch Hội đồng quản trị trở lại hoặc đến Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6- Khi Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do gì, Hội đồng quản trị phải bầu người khác thay thế trong thời hạn 30 ngày.

Điều 39. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị

1- Các thành viên có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công (hoặc được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền), và không được ủy quyền cho người khác;

2- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;

3- Được chỉ định thành viên khác trong Hội đồng quản trị thay thế mình tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong những trường hợp cần thiết. Việc chỉ định người thay thế phải được lập bằng văn bản có chữ ký của người chỉ định và được gửi tới trụ sở chính của Công ty trước khi cuộc họp Hội đồng quản trị khai mạc;

4- Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

5- Tuyệt đối trung thành với mục tiêu kinh doanh của Công ty đã ghi trong Điều lệ này. Giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề tài chính của Công ty;

6- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

7- Thực hiện Điều lệ của Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị;

8- Không được lợi dụng chức vụ để hưởng lợi ích cá nhân hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích Công ty, không được chiếm dụng các cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty;

9- Không được hành động vượt quá quyền hạn của Công ty hay Hội đồng quản trị như Điều lệ quy định. Quyết định hay hành động vượt quá thẩm quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

10- Các quyền và nhiệm vụ khác của Hội đồng quản trị được quy định tại Luật Doanh nghiệp;

11- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm đến 2/5 so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

12- Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị:

a) Công ty trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.



b) Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được trả theo quy định sau đây:

- Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách được hưởng tiền lương và tiền thưởng;
- Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh quản lý công ty được hưởng tiền lương và tiền thưởng của chức danh quản lý đó và thù lao công việc và tiền thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị;
- Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Thời hạn họp Hội đồng quản trị

1- Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường khi cần thiết. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì cuộc họp.

2- Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị phải được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Ngay sau khi được bầu, các thành viên Hội đồng quản trị phải thương lượng để chuẩn bị chương trình và địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị đầu tiên. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập.

Điều 41. Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị

1- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có yêu cầu bằng văn bản của các đại diện dưới đây:

- a) Trưởng ban kiểm soát hoặc 3/5 số thành viên Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- c) Có ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2- Các cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị phải được tổ chức trong vòng 15 ngày sau ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị nhận được yêu cầu nêu tại Khoản 1 Điều này. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp, những người đưa ra yêu cầu có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường để giải quyết những vấn đề đặt ra.

Điều 42. Thông báo họp và chương trình họp

1- Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại địa chỉ đã đăng ký của Công ty và những địa chỉ khác được Hội đồng quản trị chấp thuận.

2- Trước ngày khai mạc cuộc họp 07 ngày, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo triệu tập họp bằng văn bản tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được gửi kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 43. Yêu cầu về số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ tiến hành hợp lệ khi có ít nhất 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 44. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1- Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung sau:

- a)- Thời gian và địa điểm họp;
- b)- Họ tên thành viên tham dự;
- c)- Chương trình họp;
- d)- Chủ tọa và thư ký;
- đ)- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết, kết quả biểu quyết;
- e)- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp;
- g)- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- h)- Chữ ký có ghi rõ họ tên của tất cả thành viên dự họp.

2- Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp, Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 45. Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1- Quyết định được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp:

Trường hợp thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Nếu số phiếu đối lập ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp.

2- Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Nếu ý kiến đối lập ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3- Quyết định được thông qua trên điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác:

Trường hợp thông qua quyết định trên điện thoại hoặc trên các phương tiện thông tin khác thì quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị đều phải được ghi lại bằng những bằng chứng xác thực.

4- Ban hành quyết định của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản hoặc những bằng chứng xác thực khác, Hội đồng quản trị phải ban hành Nghị quyết, Quyết định bằng văn bản về những vấn đề đã được thông qua.

Điều 46. Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và tuyên bố hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- 1. Trình tự và thủ tục thông qua quyết định không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;
- 2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này;

Điều 47. Bầu Ban kiểm soát và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát



1- Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu và bao gồm năm (5) thành viên. Trong đó có 3 thành viên chuyên trách và 02 thành viên không chuyên trách.

2- Ban kiểm soát có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, nếu Ban Kiểm soát mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ cho đến khi có Ban Kiểm soát mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

3- Ban kiểm soát bầu một trong các thành viên làm Trưởng ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát và hai thành viên Ban kiểm soát là thành viên chuyên trách.

4- Thành viên Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có năng lực và hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty; Không được giữ các chức vụ quản lý của Công ty.

b) Có kinh nghiệm công tác từ 3 năm trở lên, am hiểu về kỹ thuật, nghiệp vụ của Công ty. Các thành viên chuyên trách phải có trình độ Đại học trở lên, trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên ngành về tài chính kế toán.

c) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

Điều 48. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1- Ban kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty.

2- Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 19 Điều lệ này.

đ) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 7 Điều 19 Điều lệ này. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.



e) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

i) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

3- Thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, tiền thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

4- Ban kiểm soát không được tiết lộ thông tin, bí mật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.

5- Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 49. Chế độ họp của Ban kiểm soát

1- Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để giải quyết những công việc đột xuất.

2- Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- a)- Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b)- Ít nhất 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị;
- c)- Trưởng Ban kiểm soát hoặc ít nhất 3/5 số thành viên Ban kiểm soát;
- d)- Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác.

3- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát thì Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng ban và bầu một thành viên khác của Ban kiểm soát làm Trưởng ban.

4- Thông báo chương trình họp Ban kiểm soát:

Thông báo họp Ban kiểm soát phải được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ



chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

5- Cuộc họp Ban kiểm soát có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 3/5 số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát vắng mặt, không tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát liên tục trong vòng 06 tháng mà không có lý do chính đáng thì thành viên đó sẽ bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát.

6- Biểu quyết:

a)- Mỗi thành viên tham dự họp Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu thành viên Ban kiểm soát không tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện quyền biểu quyết thay;

b)- Thành viên Ban kiểm soát có các quyền lợi liên quan đến vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định, không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó;

c)- Nếu có nghi ngờ nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới Chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ;

7- Ban kiểm soát có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm soát, hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax.

8- Thông qua quyết định của Ban kiểm soát bằng hỏi ý kiến :

a)- Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết vấn đề đưa ra xin ý kiến ;

b)- Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát, Biên bản họp của Ban kiểm soát phải ghi đầy đủ vào sổ biên bản và được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký của mỗi thành viên Ban kiểm soát.

Điều 50. Trưởng Ban kiểm soát

1- Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau :

a)- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động và phân công các thành viên của Ban kiểm soát;

b)- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Ban kiểm soát;

c)- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

d)- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2- Có thể được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.

3- Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền cho thành viên khác, nếu mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Ban kiểm soát có thể chỉ định một thành viên Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ của Trưởng ban.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát



1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
 2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
 - 3- Thành viên Ban kiểm soát có thể được mời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết.
 4. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu, định mức, kỹ thuật công nghệ và các vấn đề về tài chính của Công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - 5- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 6. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
- Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 52. Quy định chung về Tổng Giám đốc Công ty

- 1- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm sau khi đã bầu xong Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, là đại diện theo pháp luật của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.
- 2- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 5 năm; Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo pháp luật và quy định của Điều lệ này.
- 3- Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a)- Tốt nghiệp đại học trở lên;
 - b)- Có năng lực quản lý điều hành sản xuất kinh doanh công ty;
 - c)- Có kinh nghiệm và kiến thức trong lĩnh vực ngành, nghề chính đã đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - d)- Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- 1- Điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- 2- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các quyết định của Hội đồng quản trị;
- 3- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- 4- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- 5- Tổ chức tốt công tác thống kê, kế toán tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm chính xác trung thực và công khai trong Công ty;



6- Chịu sự quản lý trực tiếp của Hội đồng quản trị;

7- Đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, hỏa hoạn hay sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo cho Hội đồng quản trị và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.

8- Thẩm quyền về ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay; về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản như sau :

a)- Trực tiếp ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay, về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán tại thời điểm ký các hợp đồng;

b)- Trực tiếp ký các hợp đồng kinh tế, hợp đồng vay, cho vay, về nhượng bán, cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán tại thời điểm ký các hợp đồng, sau khi được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền qui định tại điều lệ này.

9- Thẩm quyền về công tác cán bộ :

a)- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ có chức danh từ Trưởng, Phó Trưởng phòng ban và Giám đốc, phó Giám đốc các đơn vị thành viên hoặc tương đương (sau khi báo cáo thông qua Hội đồng quản trị Công ty cho ý kiến chấp thuận) và các chức danh khác của Công ty theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Công ty.

b)- Quyết định lương, phụ cấp, phân phối tiền lương, tiền thưởng và các vấn đề liên quan đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

10- Trình Hội đồng quản trị báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm, báo cáo về tình hình chung của Công ty.

11- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt chiến lược, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

12- Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý Công ty.

13- Chuẩn bị các nguồn tài chính dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

14- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế quản lý nội bộ và các quyết định của Hội đồng quản trị.

15- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

16- Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc Công ty:

a) Công ty trả tiền lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

b) Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 54. Ủy quyền của Tổng Giám đốc

1- Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Phó Tổng Giám đốc Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình; Trường hợp Phó Tổng Giám đốc vắng mặt thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho một phó Tổng Giám đốc khác hoặc một Trưởng phòng ban Công ty hoặc Giám đốc đơn vị thành viên có liên quan thực hiện.



2- Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho Giám đốc các đơn vị thành viên thay mặt mình quản lý điều hành, giải quyết hoặc thi hành các công việc ở các đơn vị thành viên theo quy chế phân cấp quản lý của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình; Trường hợp Giám đốc đơn vị thành viên vắng mặt thì Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Giám đốc đơn vị.

2- Người được Tổng Giám đốc ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền cho người khác. Người được ủy quyền phải trực tiếp chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những việc được ủy quyền.

3- Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, có thời hạn nhất định.

Điều 55. Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc

Giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm có Phó Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng, Ban, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty, có các nghĩa vụ và quyền hạn sau :

1- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty;

2- Không được lạm dụng địa vị, quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc cho người khác, không được tiết lộ bí mật Công ty;

3- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với Công ty do những hành vi vi phạm của mình..

Điều 56. Cơ cấu tổ chức bộ máy giúp việc Công ty

1- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị, công ty có cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, số lượng và các loại cán bộ quản lý cần thiết để thực hiện các hoạt động trong từng thời kỳ.

2- Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty bao gồm:

- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.
- Các phòng, Ban công ty .
- Các đơn vị thành viên trực thuộc.

Điều 57. Nghĩa vụ của người quản lý

1- Nghĩa vụ cần trọng: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

2- Nghĩa vụ trung thành và tránh các xung đột lợi ích:

a)- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản và những cơ hội kinh doanh của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác và không được sử dụng những thông tin có được bởi chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác;

b)- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ mâu thuẫn lợi ích tiềm tàng nào mà họ có thể có ở các pháp nhân, các giao dịch hay các cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận ;

3- Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì :

a)- Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết ;

b)- Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;



- c)-Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ và cam kết theo quy định;
- d)- Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
- 4- Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

Điều 58. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- c) Doanh nghiệp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 118 của Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc Công ty phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; Niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Tổng giám đốc Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương IV CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CÔNG TY

Điều 59. Công nhân viên và công đoàn Công ty

1- Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện để người lao động trong công ty được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động. Thiết lập mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, góp phần ngăn ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong quá trình sản xuất, kinh doanh.



3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, người quản lý và người lao động trong Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, chấp hành các nội quy, quy chế của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người quản lý và người lao động.

4. Người lao động được quyền tham gia giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến quyền lợi hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và quy chế dân chủ của Công ty.

Người lao động có quyền gia nhập các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Công đoàn Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này, là tổ chức đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và tập thể người lao động, có trách nhiệm tổ chức để người lao động thực hiện quyền được biết, được tham gia, được kiểm tra, giám sát và được quyết định những vấn đề trực tiếp liên quan đến người lao động. Chủ tịch Công đoàn Công ty hoặc người do Ban Chấp hành Công đoàn Công ty ủy quyền được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông và được tham gia ý kiến về vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể người lao động trong Công ty.

6. Hàng năm Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, người quản lý có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Công ty. Nội dung chủ yếu của Hội nghị người lao động là bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; Đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty, những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Chương V

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY

Điều 60 . Các đơn vị trực thuộc và Công ty con, Công ty liên kết của Công ty

Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được ghi tại phụ lục số 2 kèm theo Điều lệ này.

Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán, tổ chức nhân sự của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty có quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty có con dấu theo mẫu dấu của nhà nước; Được ký kết các hợp đồng kinh tế, được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính theo sự phân cấp của công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ của đơn vị hạch toán phụ thuộc được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị này.

Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với các Công ty con

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty đó;

2. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các Công ty con (sau đây gọi là người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối);

3. Công ty có quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:



- a) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, thông qua phụ cấp và lợi ích của người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối;
- b) Yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của Công ty con;
- c) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của Công ty;
- d) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các công ty con;
- đ) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các Công ty con;
- e) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con.

Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với các Công ty liên kết

- 1. Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.
- 2. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Điều lệ của Công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Điều 64. Việc đặt tên, sử dụng tên, thương hiệu của Công ty (TISCO)

Tên gọi của các công ty con phải phù hợp với tên gọi của Công ty, mang đặc trưng ngành nghề và văn hoá của Công ty. Tên giao dịch phải thể hiện được thương hiệu của Công ty theo quy định thống nhất do Hội đồng quản trị ban hành. Quy định này cũng thể hiện tại các văn bản giấy tờ giao dịch, bì thư, băng hiệu, trang trí tại các hội nghị.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết

- 1. Người đại diện phần vốn góp của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; Là người của Công ty;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;
- d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty; Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch;
- đ) Không là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là đại diện chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp;
- e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại Doanh nghiệp được cổ phần hoá.

- 2. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.



Điều 66. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết

1. Người đại diện phần vốn góp của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại Công ty con, Công ty liên kết. Có trách nhiệm sử dụng quyền của cổ đông, thành viên có vốn góp chi phối để định hướng Công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Công ty;

b) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của Công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó và theo hướng dẫn của Công ty;

c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty con, Công ty liên kết;

d) Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về hiệu quả sử dụng phần vốn góp;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo phân cấp trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của Công ty con về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn;

e) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về quản lý phần vốn góp, hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở công ty được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty và đại diện chủ sở hữu thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty.

2. Người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty hưởng chế độ lương, thưởng hoặc thù lao, phụ cấp trách nhiệm... theo quyết định của Hội đồng quản trị công ty đó và theo quy chế quản lý phần vốn góp của Công ty.

Chương VI CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 67. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

1- Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.

2- Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

3- Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

Điều 68. Trình báo cáo hàng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Sau khi báo cáo tài chính công ty đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước khi khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông:

- Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán theo quy định
- Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty

3. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông Công ty hàng năm phải được hoàn tất chậm nhất trước 7 ngày làm việc:



- Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát
- Báo cáo kiểm toán

Điều 69. Hệ thống chế độ kế toán

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01(duyệt lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó

2. Công ty sử dụng Hệ thống chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

3. Căn cứ vào Hệ thống tài khoản kế toán, Hệ thống báo cáo tài chính, Hệ thống sổ kế toán chế độ chứng từ kế toán, sổ kế toán để lựa chọn, áp dụng và thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính và phải phù hợp với yêu cầu quản lý Công ty.

Điều 70. Kiểm toán

1. Theo đề xuất của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ.

2. Đại diện Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán

Điều 71. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ :

Lợi nhuận thực hiện của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định được trích lập như sau:

- a) Quỹ dự phòng tài chính ;
- b) Quỹ đầu tư phát triển
- c) Quỹ phúc lợi khen thưởng;
- d) Trả cổ tức.

Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ và trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 72. Cổ tức

1. Cổ tức được chi trả từ lợi nhuận hàng năm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

2. Cổ tức hay các khoản tiền khác có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam hoặc thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông..

3. Cổ tức hay các khoản tiền khác được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông để thực hiện việc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông cung cấp.

4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác nhận mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo trả cổ tức gửi bằng thư bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ:



- Tên Công ty.
 - Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân.
 - Tên địa chỉ, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
 - Số lượng cổ phần hiện hữu của cổ đông, tỷ lệ cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức. họ tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc công ty.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.
6. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của công ty.
7. Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức. Trường hợp việc chi trả cổ tức không đúng quy định thì người ra quyết định và các đối tượng có liên quan phải chịu trách nhiệm bồi thường về các khoản thiệt hại đã gây ra.

Điều 73. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo hai phương án sau:

- Trích quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông quyết định khắc phục.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU VÀ CON DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 74. Chế độ lưu giữ tài liệu

- 1- Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau :
- Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ; Sổ đăng ký cổ đông;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; các giấy tờ khác được các cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua;
 - Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
- 2- Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Con dấu của công ty

- 1- Công ty có con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
- 2- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ



Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1- Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền lợi của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

- Một cổ đông hay nhiều cổ đông với Công ty;
- Một cổ đông hay nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý Công ty,

2- Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

3- Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, không được các bên chấp nhận thì một trong các bên có thể đưa ra cơ quan có thẩm quyền các cấp để giải quyết.

4- Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp đưa ra các cơ quan có thẩm quyền thì các chi phí xét xử và chi phí có liên quan phải nộp theo quyết định của các cơ quan này.

Chương IX

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 77. Tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty

1- Căn cứ vào yêu cầu và thực tế hoạt động Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định có thể thực hiện việc tổ chức lại theo các hình thức chia tách, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo quy định của pháp luật.

2- Công ty có thể bị giải thể chấm dứt hoạt động trong các những trường hợp sau:

- a) Toà án tuyên bố công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp này, Hội đồng quản trị có trách nhiệm làm các thủ tục giải thể theo quy định của Pháp luật.

3- Khi xuất hiện dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản, công ty đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn gặp khó khăn không khắc phục được tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì công ty đã lâm vào tình trạng phá sản và phải được xử lý theo quy định của Luật phá sản, doanh nghiệp

Điều 78. Thanh lý tài sản của công ty

1- Sau khi có quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu ba (03) thành viên trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và thành viên còn lại do Hội đồng quản trị chỉ định. Ban thanh lý ban hành các quy chế hoạt động và tổ chức thực hiện. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó Ban thanh lý sẽ thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản của công ty trước các cơ có thẩm quyền.

3- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);



- đ) Các khoản nợ khác của Công ty,
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ trên sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần sở hữu.

Chương X

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

- 1- Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty. Công ty sẽ ban hành các quy chế của Công ty để cụ thể hoá và thực hiện Điều lệ này.

Điều 80. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 10 chương 80 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b) 05 bản đăng ký tại Cơ quan chính quyền theo quy định của UBND tỉnh, thành phố;
 - c) 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN.**



Phụ lục số 2:

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC
TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
(Tại thời điểm ban hành Điều lệ)**

STT	Tên đơn vị	Trụ sở chính của đơn vị
1	Mỏ sắt Trại Cau	Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
2	Mỏ sắt Ngườm Cháng Cao Bằng	Huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng
3	Mỏ Sắt và Cán thép Tuyên Quang	Xã An Trường, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
4	Mỏ Quắc-zít Phú Thọ	Xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ
5	Mỏ than Phấn Mễ	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
6	Nhà máy Luyện gang	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
7	Nhà máy Cốc hoá	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
8	Nhà máy Luyện thép Lưu Xá	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
9	Nhà máy Cán thép Lưu Xá	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
10	Nhà máy Cán thép Thái Nguyên	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
11	Xí nghiệp Vận tải Đường sắt	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
12	Xí nghiệp Năng lượng	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Hà Nội	Số 17 - Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Quảng Ninh	Phường Giếng Đáy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh



15	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Thanh Hoá	Số 368, đường Bà Triệu, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá
16	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Nghệ An	Số 22, Đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
17	Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên tại Đà Nẵng	Số 277, đường Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
18	Nhà văn hoá	Phường Hương Sơn - thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
19	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế luyện kim	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục số 3

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CÓ VỐN GÓP CỔ PHẦN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN
(Tại thời điểm ban hành Điều lệ)**

STT	Tên đơn vị	Tỉ lệ % vốn Nhà nước trên vốn điều lệ	Trụ sở chính của Công ty
1	Công ty Cổ phần Vận tải Gang thép Thái Nguyên	25,79%	P.Cam Giá, TP Thái Nguyên, tỉnh T.N
2	Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Thái Nguyên	13,35%	“
3	Công ty Cổ phần Sửa chữa ô tô Gang thép	10,14%	“
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Gang thép	21%	“
5	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt	9,7%	“
6	Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	39,59%	P.Gia Sàng, TP Thái Nguyên, tỉnh TN
7	Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung	28%	P. Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh TN
8	Công ty Cổ phần Hợp kim sắt Phú Thọ	25%	xã Giáp Lai, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ



MỤC LỤC
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN

Chương I	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1.	Giải thích từ ngữ	1
Điều 2.	Tên, loại hình của Công ty	2
Điều 3.	Trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty	2
Điều 4.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
Điều 5.	Thời gian hoạt động của Công ty	2
Điều 6.	Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh	2
Điều 7.	Nguyên tắc hoạt động của Công ty	3
Điều 8.	Quyền của Công ty	3
Điều 9.	Nghĩa vụ của Công ty	4
Điều 10.	Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty	4
Chương II	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG	5
Điều 11.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn Điều lệ của Công ty	5
Điều 12.	Loại cổ phần	5
Điều 13.	Thừa kế cổ phần	5
Điều 14.	Cổ phiếu	6
Điều 15.	Sổ đăng ký cổ đông	6
Điều 16.	Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 17.	Mua lại cổ phần	7
Điều 18.	Quy định về cổ đông	8
Điều 19.	Quyền của cổ đông	8
Điều 20.	Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	9
Chương III	CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY	9
Điều 21.	Cơ cấu tổ chức quản trị Công ty	9
Điều 22.	Quy định chung về Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 23.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 24.	Đại hội đồng cổ đông và thẩm quyền triệu tập họp	10



Điều 25.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 26.	Quyền dự họp và quyền ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 27.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 28.	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 29.	Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 30.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 31.	Phương thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 32.	Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 33.	Những vấn đề liên quan về nhân sự của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty	13
Điều 34.	Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty	14
Điều 35.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty	14
Điều 36.	Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 37.	Quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	15
Điều 38.	Chủ tịch Hội đồng quản trị	16
Điều 39.	Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 40.	Thời hạn họp Hội đồng quản trị	18
Điều 41.	Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị	18
Điều 42.	Thông báo họp và chương trình họp	18
Điều 43.	Yêu cầu về số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp	18
Điều 44.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	18
Điều 45.	Phương thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị	19
Điều 46.	Hủy bỏ quyết định của Hội đồng quản trị	19
Điều 47.	Bầu Ban kiểm soát và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	19
Điều 48.	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	20
Điều 49.	Chế độ họp của Ban kiểm soát	21
Điều 50.	Trưởng ban kiểm soát	22
Điều 51.	Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát	22
Điều 52.	Quy định chung về Tổng Giám đốc Công ty	23
Điều 53.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc	23
Điều 54.	Ủy quyền của Tổng Giám đốc	24
Điều 55.	Bộ máy giúp việc Tổng Giám đốc	25
Điều 56.	Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành Công ty	25
Điều 57.	Nghĩa vụ của người quản lý	25
Điều 58.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.	25
Chương IV	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CÔNG TY	26
Điều 59.	Công nhân viên và công đoàn Công ty	26
Chương V	CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN TRỰC THUỘC VÀ CÔNG TY CON,	27



	CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA CÔNG TY	
Điều 60.	Các đơn vị trực thuộc và Công ty con, Công ty liên kết của Công ty	27
Điều 61.	Quan hệ của Công ty với đơn vị hạch toán phụ thuộc	27
Điều 62.	Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty con	27
Điều 63.	Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết	28
Điều 64.	Việc đặt tên, sử dụng tên, thương hiệu của Công ty (TISCO)	28
Điều 65.	Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết	28
Điều 66.	Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của Công ty ở Công ty con, Công ty liên kết	28
Chương VI	CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH , KẾ TOÁN	29
Điều 67.	Công khai thông tin	29
Điều 68.	Trình báo cáo hàng năm	29
Điều 69.	Hệ thống Kế toán Tài chính	29
Điều 70.	Kiểm toán	30
Điều 71.	Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ	30
Điều 72.	Cổ tức	30
Điều 73.	Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ	31
Chương VII	CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU VÀ CON DẤU CÔNG TY	31
Điều 74.	Chế độ lưu giữ tài liệu	31
Điều 75.	Con dấu của Công ty	31
Chương VIII	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	31
Điều 76.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	31
Chương IX	TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY	32
Điều 77.	Tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty	32
Điều 78.	Thanh lý tài sản của công ty	32
Chương X	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	32
Điều 79.	Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	32
Điều 80.	Ngày hiệu lực	33
PHỤ LỤC 1	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP TN	
PHỤ LỤC 2	DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC CỦA CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN	
PHỤ LỤC 3	DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CÓ VỐN GÓP CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI NGUYÊN.	